

HƯỚNG DẪN

Tiêu chí huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chuẩn đô thị văn minh; tiêu chí về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTP ngày / /2022
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

1. Tiêu chí huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1.1. Nội dung của tiêu chí:

a) Nội dung 1: Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn.

b) Nội dung 2: Công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin.

c) Nội dung 3: Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật và hướng dẫn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương và Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh.

d) Nội dung 4: Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hàng năm về đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nhằm triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

đ) Nội dung 5: Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật cấp huyện, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở.

e) Nội dung 6: Bảo đảm kinh phí, nguồn lực triển khai nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

g) Nội dung 7: Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.

h) Nội dung 8: Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính.

i) Nội dung 9: Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.2. Điểm số, cách tính điểm của tiêu chí và tài liệu đánh giá các nội dung tiêu chí được quy định tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

1.3. Điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

a) Có 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Tổng số điểm các nội dung của tiêu chí đạt từ 90 điểm trở lên.

c) Không có vi phạm pháp luật trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.4. Tổ chức đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

a) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ đánh giá, công nhận huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ đánh giá, công nhận quận (thị xã, thành phố) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo quy định của Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

2. Tiêu chí về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (Tiêu chí 16)

2.1. Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động hiệu quả được công nhận:

a) Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động hiệu quả là mô hình có từ 100% trở lên ý kiến của đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện các thôn, tổ dân phố xác nhận mô hình đó hiệu quả, phù hợp trong truyền tải thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, được triển khai trên toàn địa bàn, duy trì thường xuyên, liên tục, có ứng dụng công nghệ thông tin và có khả năng nhân rộng.

b) Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu 4, tiêu chí 2 theo quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Ủy ban nhân dân xã đánh giá mức

độ đáp ứng các yêu cầu của mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật tại Hướng dẫn này và tổng hợp chung vào hồ sơ đề nghị xét công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

2.2. Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận:

a) Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả là mô hình tổ hòa giải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:

- Tỷ lệ hòa giải thành đạt từ 95% trở lên.

- Huy động được luật sư, luật gia, người đã và đang là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên, thẩm tra viên trong cơ quan tiến hành tố tụng, công an xã, cán bộ, công chức công tác trong lĩnh vực pháp luật, bộ đội biên phòng (nếu có) cư trú trên địa bàn tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Được Tòa án nhân dân cấp huyện hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho hòa giải viên ở cơ sở, thực hiện công nhận hòa giải thành theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Tổ hòa giải xây dựng Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu của mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở tại Hướng dẫn này gửi Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền thành lập Tổ hòa giải xác nhận và tổng hợp chung vào hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2.3. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành(sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải thành):

a) Tỷ lệ vụ, việc hòa giải thành: Đạt từ 95% trở lên.

b) Cách tính tỷ lệ %: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ vụ,\ việc\ hòa\ giải\ thành / Tổng\ số\ vụ,\ việc\ được\ thực\ hiện\ hòa\ giải) \times 100$.

c) Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, hướng dẫn tổ hòa giải trên địa bàn rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả vụ, việc hòa giải thành để tổng hợp, xác định tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

2.4. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý biết và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu:

a) Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý biết và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: Đạt từ 90% trở lên.

b) Cách tính tỷ lệ %:

$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ người\ thuộc\ diện\ trợ\ giúp\ pháp\ lý\ đã\ được\ trợ\ giúp\ pháp\ lý / Tổng\ số\ người\ thuộc\ diện\ trợ\ giúp\ pháp\ lý\ có\ yêu\ cầu\ trợ\ giúp\ pháp\ lý) \times 100$.

c) Sở Tư pháp chỉ đạo tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý (Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý) thuộc phạm vi quản lý của Sở rà soát, tổng hợp thông tin về tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý đã được trợ giúp pháp lý, tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý trong năm, đồng thời giao Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đầu mối tổng hợp thông tin nêu trên.

d) Ủy ban nhân dân xã chủ động phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để xác định tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý đã được trợ giúp pháp lý, tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý trong năm là công dân cư trú trên địa bàn xã để tính tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

Căn cứ Hướng dẫn này, Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả. Nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Tịnh